

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2022.

**TỜ TRÌNH**

V/v: Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động  
Công ty Cổ phần Phát triển Sản xuất Thương mại Sài Gòn

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SÀI GÒN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Sản xuất Thương mại Sài Gòn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2018;
- Căn cứ Tờ trình Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Phát triển Sản xuất Thương mại Sài Gòn ngày 17 tháng 5 năm 2021;
- Căn cứ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 12 năm 2021 và ngày 16 tháng 02 năm 2022;
- Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Nguyên vào ngày 01 tháng 01 năm 2021, Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 có hiệu lực thi hành (sau đây gọi tắt là Luật Doanh nghiệp năm 2020) đã dẫn đến sự thay đổi nội dung các quy phạm pháp luật của Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 (được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2015).

Theo đó, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Sản xuất Thương mại Sài Gòn đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2018 cũng cần phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và pháp luật hiện hành.

Nay, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua **Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Sản xuất Thương mại Sài Gòn** bảng dự thảo đính kèm dưới đây:

<b>Điều khoản sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ Công ty Sadaco ngày 28 tháng 4 năm 2018</b>	<b>Nội dung sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ Công ty Sadaco ngày 21 tháng 3 năm 2022</b>	<b>Lý do/ Cơ sở pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung</b>
<b>Căn cứ</b>	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2015.	Căn cứ <b>Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14</b> được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam <b>thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020</b> .	Luật Doanh nghiệp năm 2020

	<p>qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015.</p> <p>Điều lệ này thay thế cho bản Điều lệ cũ do Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/06/2013, là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Sản xuất Thương mại Sài Gòn, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>Bản Điều lệ này gồm có 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Sản xuất Thương mại Sài Gòn thông qua và chấp thuận toàn bộ ngày 28 tháng 04 năm 2018.</p>	<p><b>tháng 6 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.</b></p> <p>Điều lệ này thay thế cho bản Điều lệ cũ do Đại hội đồng cổ đông <b>thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2018</b>, là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Sản xuất Thương mại Sài Gòn (<b>sau đây gọi tắt là Công ty</b>), được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>Bản Điều lệ này gồm có 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua và chấp thuận toàn bộ <b>ngày 21 tháng 3 năm 2022.</b></p>	<p>2020</p>
<p><b>Điều 1</b></p>	<p>Điều 1: Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy</p>	<p>Điều 1: Giải thích từ ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, <b>những từ ngữ</b> dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là <b>tổng mệnh giá cổ phần</b> đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số: <b>59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</b></p> <p>c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số: <b>54 /2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2020;</b></p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại <b>khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</b></p> <p>g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <b>khoản 18 Điều 4</b></p>	<p>Bỏ điểm i và điểm k khoản 1 Điều 1 của Điều lệ Công ty Sadaco ngày 28 tháng 4 năm 2018;</p> <p>Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số: 54 /2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có</p>

	<p>định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;</p> <p>g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;</p> <p>i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>k. "Công ty" là Công ty Cổ phần Phát triển Sản xuất Thương mại Sài Gòn.</p>	<b>Luật Chứng khoán;</b>	hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2020
<b>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>	<p>1. Tên Công ty</p> <p>Tên pháp nhân của Công ty bằng tiếng Việt là: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SÀI GÒN</p> <p>Tên giao dịch của Công ty bằng tiếng Anh là: SAIGON TRADE AND PRODUCTION DEVELOPMENT CORPORATION</p> <p>Tên viết tắt là: SADACO</p>	<p>1. Tên Công ty:</p> <p><b>CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SÀI GÒN</b></p> <p>Tên giao dịch bằng tiếng Anh là: <b>SAIGON TRADE AND PRODUCTION DEVELOPMENT CORPORATION</b></p> <p>Tên viết tắt là: SADACO</p>	Cho phù hợp hơn
<b>Điều 3</b>	<p>Điều 3: Người đại diện theo pháp luật</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.</p>	<p><b>Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b></p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, <b>thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và theo Điều lệ của Công ty.</b></p>	Bổ sung cho phù hợp với nội dung Điều 12 và Điều 13 của Luật Doanh nghiệp năm 2020
<b>Điều 4: Mục tiêu hoạt động của Công ty</b>	<p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khai thác, chế biến, sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng dừa tre và sản phẩm từ tre, đồ gỗ tinh chế, lâm sản</li> </ul>	Mục tiêu hoạt động của Công ty là xây dựng, phát triển và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển hợp lý các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi	Bổ khoản 1 Điều 4 của Điều lệ Công ty Sadaco ngày 28

<p>ty</p>	<p>khác, nông thủy hải sản, hàng tiêu thụ công nghiệp, vật liệu xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhập khẩu nguyên liệu vật tư, thiết bị hàng hoá khác phục vụ sản xuất và tiêu dùng.</li> <li>• Dịch vụ du lịch: nhà hàng, khách sạn, lữ hành nội địa và quốc tế, vận chuyển du lịch.</li> <li>• Đầu tư xây dựng kinh doanh nhà.</li> <li>• Mua bán phương tiện vận tải, kinh doanh xăng dầu, dịch vụ giao nhận, kho vận ngoại thương.</li> <li>• Khai thác gỗ, tổ chức hội chợ triển lãm.</li> <li>• Sản xuất, gia công lắp ráp quạt điện, máy bơm nước.</li> <li>• Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đổi giấy phép xuất khẩu lao động.</li> <li>• Gia công và sửa chữa máy vi tính đồ chơi điện tử, thiết bị điện gia dụng.</li> <li>• Sửa chữa thiết bị chế biến gỗ và phương tiện cơ khí vận chuyển chuyên dùng (máy xúc, máy ủi, đầu kéo).</li> <li>• Mua bán và sửa chữa điện thoại, linh kiện điện thoại.</li> <li>• Dịch vụ tổ chức lễ hội. Đào tạo nghề, ngoại ngữ.</li> <li>• Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu sữa bột. Dịch vụ giới thiệu việc làm.</li> <li>• Kinh doanh bất động sản, đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.</li> <li>• Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm</li> </ul>	<p>nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, khuyến khích người lao động, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Tầm nhìn: Địa chỉ tin cậy tại Việt nam và trên thế giới về đồ gỗ, dịch vụ xuất nhập khẩu, thương mại và lĩnh vực bất động sản.</li> <li>➢ Sứ mệnh: Thỏa mãn nhu cầu cao nhất của mọi người về những sản phẩm, dịch vụ của Công ty.</li> <li>➢ Giá trị cốt lõi: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đối xử chân thành: Chân thành trong tất cả các giao dịch.</li> <li>• Chan hòa thân thiện: Thân thiện với đối tác, chan hòa với cán bộ, nhân viên dưới mái nhà chung SADACO, hài hòa lợi ích của cổ đông và người lao động.</li> <li>• Chấp hành nghiêm túc: chấp hành luật pháp, các chế độ quy định, quy chế, chính sách của Công ty.</li> </ul> </li> </ul> <p>Hướng tới tốt đẹp: Cán bộ, nhân viên phấn đấu đến những chuẩn mực cao hơn, cam kết cùng khách hàng vươn tới giá trị tốt đẹp nhất của sản phẩm.</p>	<p>tháng 4 năm 2018 cho phù hợp hơn</p>
-----------	---	---	---

vệ sinh (trừ dược phẩm)

- Đại lý đối ngoại tệ.
- Kinh doanh thực phẩm, rượu bia, nhà hàng tiệc cưới, hội nghị khách sạn, giải trí và các ngành nghề khác phù hợp với hoạt động Công ty.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là xây dựng, phát triển và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển hợp lý các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, khuyến khích người lao động, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Tầm nhìn: Địa chỉ tin cậy tại Việt nam và trên thế giới về đồ gỗ, dịch vụ xuất nhập khẩu, thương mại và lĩnh vực bất động sản.
- Sứ mệnh: Thỏa mãn nhu cầu cao nhất của mọi người về những sản phẩm, dịch vụ của Công ty.
- Giá trị cốt lõi:
  - Đối xử chân thành: Chân thành trong tất cả các giao dịch.
  - Chan hòa thân thiện: Thân thiện với đối tác, chan hòa trong cán bộ công nhân viên dưới mái nhà chung SADACO, hài hòa lợi ích của cổ đông và người lao động.
  - Chấp hành nghiêm túc: chấp hành luật pháp, các chế độ quy định, quy chế, chính sách của Công ty.

Hướng tới tốt đẹp: Cán bộ công nhân viên phấn đấu đến những chuẩn mực cao hơn, cam kết cùng

khách hàng vươn tới giá trị tốt đẹp nhất của sản phẩm.

**Điều 5**

Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký trên Cổng thông tin điện tử quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Điều 5: Phạm vi kinh doanh :**

**1. Ngành, nghề kinh doanh:**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng đũa tre và các sản phẩm từ tre, đồ gỗ tinh chế, viên nén gỗ, hàng tiểu thủ công nghiệp	1629
2	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: Khai thác, chế biến các mặt hàng đũa tre và các sản phẩm từ tre, đồ gỗ tinh chế, hàng tiểu thủ công nghiệp	0231
3	Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác gỗ	0220
4	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng	3290
5	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất nông thủy hải sản	1079
6	Khai thác thủy sản biển Chi tiết: Khai thác thủy hải sản	0311
7	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: chế biến thủy hải sản	1020
8	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến nông sản	1030
9	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Xuất khẩu nông sản, lâm sản khác. Mua bán nguyên liệu sữa bột	4632
10	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác vật liệu xây dựng (Không hoạt động tại trụ sở)	0810
11	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến lâm sản khác	1610

Bổ sung thêm khoản 1. Ngành, nghề kinh doanh vào Điều 5;

Nghị quyết ĐHCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 ngày 10 tháng 8 năm 2020

12	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: Sản xuất lâm sản khác	1621
13	Sản xuất giường, tủ, bàn ghế Chi tiết: Sản xuất, chế biến đồ gỗ tinh chế	3100
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Xuất khẩu vật liệu xây dựng, hàng thủ công nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở)	4663
15	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (tại số 635 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5)	5610
16	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (tại số 635 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5)	5510
17	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa quốc tế	7911
18	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng	4932
19	Xây dựng nhà để ở	4101
20	Xây dựng nhà không để ở	4102
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải	4659
22	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu	4661
23	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay. Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất khẩu	5229
24	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho vận ngoại thương (kinh doanh kho bãi)	5210
25	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô	4933

	tô	
26	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Sản xuất, gia công lắp ráp quạt điện , máy bơm nước	2819
27	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài	7830
28	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Gia công, sửa chữa máy vi tính, đồ chơi điện tử	9511
29	Sản xuất đồ điện dân dụng Chi tiết: Gia công và sửa chữa thiết bị điện gia dụng	2750
30	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa thiết bị chế biến gỗ	3312
31	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa phương tiện cơ khí, vận chuyển chuyên dùng (máy xúc, máy ủi, đầu kéo)	3319
32	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán điện thoại, linh kiện điện thoại	4652
33	Sửa chữa thiết bị liên lạc Chi tiết: Sửa chữa điện thoại, linh kiện điện thoại	9512
34	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Dịch vụ tổ chức lễ hội. Tổ chức hội chợ triển lãm	8230
35	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Đào tạo nghề, ngoại ngữ (Không hoạt động tại trụ sở)	8532
36	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Nhập khẩu nguyên liệu vật tư, thiết bị, hàng hóa khác phục vụ sản xuất và tiêu dùng	4669



37	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu việc làm (trừ cho thuê lại lao động)	7810
38	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
39	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và phế phẩm vệ sinh (trừ dược phẩm); - Bán buôn văn phòng phẩm, bao bì; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn các sản phẩm trang trí nội thất	4649
40	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ	6499
41	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng đũa tre và các sản phẩm từ tre, đồ gỗ tinh chế, hàng thủ công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	4620
42	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
43	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
44	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
45	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng	4711

		<table border="1"> <tr> <td></td> <td><b>kinh doanh tổng hợp</b></td> <td></td> </tr> <tr> <td>46</td> <td><b>Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh</b> Chi tiết: Bán lẻ rượu vang, rượu mạnh, bia</td> <td>4723</td> </tr> <tr> <td>47</td> <td><b>Dịch vụ phục vụ đồ uống</b> (Trừ hoạt động quán bar và giải khát có khiêu vũ)</td> <td>5630</td> </tr> <tr> <td>48</td> <td><b>Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ</b></td> <td>9633</td> </tr> <tr> <td>49</td> <td><b>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.</b> Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng nội thất, ngoại thất</td> <td>8299</td> </tr> </table>		<b>kinh doanh tổng hợp</b>		46	<b>Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh</b> Chi tiết: Bán lẻ rượu vang, rượu mạnh, bia	4723	47	<b>Dịch vụ phục vụ đồ uống</b> (Trừ hoạt động quán bar và giải khát có khiêu vũ)	5630	48	<b>Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ</b>	9633	49	<b>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.</b> Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng nội thất, ngoại thất	8299	
	<b>kinh doanh tổng hợp</b>																	
46	<b>Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh</b> Chi tiết: Bán lẻ rượu vang, rượu mạnh, bia	4723																
47	<b>Dịch vụ phục vụ đồ uống</b> (Trừ hoạt động quán bar và giải khát có khiêu vũ)	5630																
48	<b>Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ</b>	9633																
49	<b>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.</b> Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng nội thất, ngoại thất	8299																
Khoản 1 và Khoản 5 Điều 6: <b>Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b>	<p>1.Vốn Điều lệ của Công ty là 18.219.130.000 đồng (Mười tám tỷ hai trăm mười chín triệu một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)</p> <p>Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 1.821.913 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.</p>	<p>1.Vốn điều lệ của Công ty là <b>21.999.120.000 (Hai mươi một tỷ chín trăm chín mươi chín triệu một trăm hai mươi ngàn) đồng</b>. Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành <b>2.199.912 (hai triệu một trăm chín mươi chín ngàn chín trăm mười hai) cổ phần</b> với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm và là <b>một phần của Điều lệ này</b>.</p>	<p>Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 và Thông báo số: 741/2021-SAD/VSD-ĐK ngày 14 tháng 5 năm 2021 của VSD.</p>															
Khoản 2 Điều 7: <b>Chứng nhận cổ phiếu</b>	<p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại <b>khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp</b>.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>															
Khoản 4 Điều 10: <b>Thu hồi cổ phần</b>	<p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là cổ phần được quyền chào bán quy định tại <b>khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp</b>. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>															
Tên	CHƯƠNG V	CHƯƠNG V	Cho phù hợp															

<p><b>Chương V</b> <b>và Điều 11</b></p>	<p><b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b></p> <p>Điều 11: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>2. Hội đồng quản trị;</li> <li>3. Ban kiểm soát;</li> <li>4. Tổng giám đốc.</li> </ol>	<p><b>CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY</b></p> <p><b>Điều 11: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty</b></p> <p><b>Công ty Cổ phần có:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>- Hội đồng quản trị;</li> <li>- Ban kiểm soát;</li> <li>- Tổng giám đốc.</li> </ul>	<p>với nội dung của Điều 11 Điều lệ</p>
<p>Điểm e khoản 2 và khoản 3 <b>Điều 12: Quyền của cổ đông</b></p>	<p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ</p>	<p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan <b>đến danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;</b></p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <b>05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</b></p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <b>Điều 115 và Điều 139 Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. <b>Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</b></p>	<p>Bổ sung điểm e khoản 3 Điều 12;</p> <p>Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>

	<p>sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>e. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
<p><b>Điều 13:</b> <b>Nghĩa vụ của cổ đông</b></p>	<p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p>	<p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>6. <b>Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo qui định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</b></p> <p>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p>	<p>Bổ sung khoản 6 Điều 13 cho phù hợp với Điều 119 của Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>
<p><b>Điều 14:</b> <b>Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. <b>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất</p>	<p>Điều 139 Luật Doanh nghiệp năm 2020;</p> <p>Công ty không có thành viên độc lập Hội</p>

đồng bất thường trong các trường hợp sau:

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

thường trong các trường hợp sau:

c. **Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên** ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo **Điều 165 Luật Doanh nghiệp** hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày **số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại** như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại **khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp**;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại **khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp**.

đồng quản trị

<p><b>Khoản 2 Điều 15: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; <b>bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</b></p> <p>f. <b>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo các khoản này;</b></p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ <b>35% tổng giá trị tài sản trở lên</b> của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại <b>khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</b> với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p><b>o. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</b></p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Bổ sung thêm điểm o;</p> <p>Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>
<p><b>Điều 18: Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời</p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <b>không sớm hơn 10 (mười) ngày</b> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><b>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</b></p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,</p>	<p>Bổ sung thêm điểm f;</p> <p>Bổ sung thêm khoản 6;</p> <p>Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020;</p> <p>Điều 142 Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>

công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp **chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, **số Thẻ căn cước công dân/ Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu** hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, **giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. **Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung **như quy định tại khoản 4 Điều này;**

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định

		tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	
<b>Điều 19:</b> Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông  <b>4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.</b>	Bổ sung thêm khoản 4 Điều 19 cho phù hợp với Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020
Khoản 1 và khoản 7 Điều 20: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.  7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, <b>Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.</b>  7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc theo quy định tại <b>khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</b>  a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;  b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;  c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.  Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực	Bỏ nội dung “và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết” cho phù hợp hơn;  Điều 146 Luật Doanh nghiệp năm 2020



<p>Khoản 1 và khoản 4 <b>Điều 21:</b> <b>Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định), cụ thể như sau:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển Công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>4. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và được xác định là: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.</p>	<p><b>thi hành.</b></p> <p>1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (<b>trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác</b>), cụ thể như sau:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển Công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>f. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p><b>4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</b></p> <p>5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại <b>khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</b> và được xác định là: việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.</p>	<p>Điều 147 Luật Doanh nghiệp năm 2020;</p> <p>Bổ sung thêm nội dung của khoản 4 và khoản 6 cho phù hợp với Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>
--	---	--	---

		6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.	
Điểm c khoản 3 Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;	Điều 149 Luật Doanh nghiệp năm 2020
Khoản 1 Điều 23: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:  Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:  Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	Điều 150 Luật Doanh nghiệp năm 2020
Tên Điều 24	Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông  2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.	Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông  2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.  Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội	Thống nhất với nội dung của Điều 24 và phù hợp với Điều 151 Luật doanh nghiệp năm

	Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	2020
<b>Khoản 2 Điều 25: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b>	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông, <b>không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp</b> có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; <b>từ 70% đến dưới 80%</b> được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Phù hợp với nội dung khoản 2 Điều 25
<b>Khoản 3 Điều 26: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b>	3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. Có đơn từ chức; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	<b>3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b> <b>a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</b> <b>i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;</b> <b>ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</b> <b>iii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.</b> <b>b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</b> <b>i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</b>	Điều 160 Luật Doanh nghiệp năm 2020

	<p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>ii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p><b>c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này.</b></p>	
<p>Khoản 2 và khoản 3 <b>Điều 27: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.</b></p>	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và người điều hành khác như: Giám đốc bộ phận, Giám đốc và kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc, Công ty con và quyết định mức lương của họ;</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 6 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p>	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và người điều hành khác như: Giám đốc bộ phận, Giám đốc và Kế toán trưởng/ <b>Phụ trách kế toán</b> các đơn vị trực thuộc, công ty con và quyết định mức lương của họ;</p> <p><b>p. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</b></p> <p><b>q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo Luật Doanh nghiệp (nếu có).</b></p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại <b>khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp</b> và trừ trường hợp quy định tại <b>khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</b> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm, <b>nhưng không được phê chuẩn đến mức quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này;</b></p>	<p>Bổ sung thêm “/ Phụ trách kế toán” vào điểm c cho phù hợp hơn;</p> <p>Bổ sung thêm điểm p và q khoản 2 Điều 27 cho phù hợp với Điều 153 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và thống nhất với điểm 1 khoản 2 Điều 15 của Điều lệ</p>

<p>Khoản 2 <b>Điều 29:</b> <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; <b>giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</b>; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Điều 156 Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>
<p>Điểm b khoản 9 và khoản 15 <b>Điều 30:</b> <b>Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p>	<p>9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	<p>9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và <b>tiến hành một cách hợp lệ</b>, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p><b>15. Biên bản họp Hội đồng quản trị.</b></p> <p><b>a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</b></p> <p><b>- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</b></p>	<p>Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>

- Thời gian, địa điểm họp;
  - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;
- b. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định trên đây thì biên bản này có hiệu lực;
- c. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị;
- d. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10)

		ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng <b>tiếng nước ngoài</b> . <b>Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng</b> . Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.	
<b>Khoản 1 Điều 32: Người phụ trách quản trị Công ty</b>	1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.	1. <b>Tùy theo tình hình và quy định cụ thể đối với doanh nghiệp</b> , Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.	Phù hợp với lựa chọn của Công ty khi còn hoặc không còn là Công ty đại chúng.
<b>Khoản 2 và khoản 3 Điều 37: Kiểm soát viên</b>	2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:  3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp</b> , Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:  3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. <b>Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty</b> . Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	Điều 168 Luật Doanh nghiệp năm 2020
<b>Khoản 1 Điều 38: Ban kiểm soát</b>	1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:	1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <b>Điều 170 Luật Doanh nghiệp</b> và các quyền, nghĩa vụ sau:	Luật Doanh nghiệp năm 2020
<b>Khoản 1 và điểm d khoản 5 Điều 40: Trách nhiệm trung thực và tránh</b>	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <b>Điều 164 Luật Doanh nghiệp</b> và các quy định pháp luật khác.  5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ	Bổ sung thêm điểm d khoản 5 Điều 40 cho phù hợp với Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020

<p><b>các xung đột về quyền lợi</b></p>		<p>hoặc công ty đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p><b>d. Các nội dung khác về chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan thực hiện theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</b></p>	
<p><b>Khoản 4 Điều 41: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p>	<p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các <b>chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), các khoản tiền phạt</b>, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>Bỏ “chi phí phán quyết” cho phù hợp hơn</p>
<p><b>Tên Chương XII và Điều 43</b></p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</p> <p>Điều 43: Công nhân viên và công đoàn</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XII NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</p> <p>Điều 43: Nhân viên và công đoàn</p>	<p>Cho phù hợp hơn</p>
<p><b>Tên Chương XVII, tên và khoản 1 Điều 51</b></p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XVII CON DẤU</p> <p>Điều 51: Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG XVII DẤU CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 51: Dấu của Công ty</p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>Công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn</p>	<p>Cho phù hợp Điều 43 Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>



		<p>vị khác của Công ty.</p> <p>Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty hoặc quy chế do Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của Công ty có dấu ban hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
<p>Điểm e khoản 3 Điều 54: Thanh lý</p>	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ <b>điểm a đến điểm d</b> trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>Cho phù hợp hơn</p>
<p>Khoản 2 và khoản 3 Điều 55: Giải quyết tranh chấp nội bộ</p>	<p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	<p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết theo phương thức Trọng tài <b>thương mại</b> hoặc Tòa án.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án hoặc Trọng tài thương mại được thực hiện theo phán quyết của Tòa án hoặc Trọng tài <b>thương mại</b>.</p>	<p>Phù hợp với pháp luật hiện hành</p>
<p>Khoản 1 và khoản 2 Điều 57: Ngày hiệu lực</p>	<p>1. Điều lệ này gồm 21 Chương, 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Sản xuất Thương mại Sài Gòn (SADACO) nhất trí thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p>	<p>1. Điều lệ này gồm 21 Chương, 57 Điều, <b>51 trang</b> được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Sản xuất Thương mại Sài Gòn (SADACO) nhất trí thông qua <b>ngày 21 tháng 3 năm 2022</b> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p><b>a. Một (01) bản nộp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM;</b></p>	<p>Cho phù hợp hơn</p>

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương.

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo qui định của ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

b. Một (01) bản nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam;

c. Tám (08) bản gửi thành viên Hội đồng quản trị và lưu tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Trân trọng kính trình,

ơi nhận:

Như trên;  
TV HĐQT.  
Lưu: VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



TRẦN QUỐC MẠNH